TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày: 30 - 10 - 2019.
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Ly;

Ông Lê Thanh Khởi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L;

Địa chỉ: Số 4 - 4 - 4, đường Phạm Hồng T, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên G.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L.

Địa chỉ: Số 4 - 4 - 4, đường Phạm Hồng T, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên G.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hứa Ngọc Ẩ; Địa chỉ: Số 19 – 19, đường Trần Hưng Đ, phường 3, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T – Theo giấy ủy quyền số: 655/UQ – CNST ngày 29/10/2019 (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn P;

2. Bà Đào Thị M;

Cùng cư trú tại: Ấp Trà C, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

(các bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Hứa Ngọc Ẩ trình bày:

Ông Nguyễn Văn P và bà Đào Thị M có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 243/18/HĐTD/2100-7516 ngày 22/5/2018 nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Mục đích bổ sung vốn mua bán bia, nước ngọt và chăn nuôi sản xuất nông nghiệp; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 10,98%/năm, tính trên số dư thực tế và thời gian vay vốn thực tế. Trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, lãi suất vay sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau:

Mức phạt chậm trả lãi: 0,05%/ngày; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số 058/17/HĐTC-BĐS/2100-2961 ngày 25/02/2017 được công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên ngày 25/02/2017, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 058.01/17/HĐTC-BĐS/2100-2961 ngày 14/01/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên ngày 14/01/2019 và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỹ Tú ngày 27/02/2017. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

Quyền sử dụng đất số BB 870314; Số vào sổ CH00359 do UBND huyện Mỹ Tú cấp ngày 18/5/2011; Diện tích 4.600 m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở, Đất trồng cây lâu năm; Thửa đất số: 284; Tờ bản đồ số: 7; tọa lạc ấp Trà C, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

Trong quá trình vay ông Nguyễn Văn P và bà Đào Thị M đã vi phạm hợp đồng. Ông, bà chỉ thanh toán tiền gốc là 270.000.00 đồng; tiền lãi là 43.058.343 đồng. Khi đến hạn thanh toán nợ Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông (bà) cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng ông, bà vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Đào Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 132.990.000 đồng, trong đó nợ gốc: 130.000.000 đồng, lãi quá hạn: 2.990.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 243/18/HĐTD/2100-7516 ngày 22/5/2018 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn P và bà Đào Thị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số: 058/17/HĐTC-BĐS/2100-2961 ngày 25/02/2017 để ưu tiên thanh toán nợ cho

Ngân hàng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19 tháng 9 năm 2019 bị đơn bà Đào Thị M trình bày:

Bà M thừa nhận bà Mẳng và ông Nguyễn Văn P có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 243/18/HĐTD/2100-7516 ngày 22/5/2018 để vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Hợp đồng tín dụng được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 058/17/HĐTC-BĐS/2100-2961 ngày 14/01/2019 và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỹ Tú ngày 27/02/2017. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

Quyền sử dụng đất số BB 870314 do UBND huyện Mỹ Tú cấp ngày 18/5/2011; Diện tích 4.600 m2; Thửa đất số 284; Tờ bản đồ số 7; tọa lạc ấp Trà C , xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

Tính đến ngày 21/6/2019 bà M và ông P còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L số tiền gốc và lãi là: 138.805.897 đồng, bà M và ông P đồng ý trả số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà M và ông P xin được trả dần cho đến khi dứt nợ.

Trường hợp bà Đào Thị M và ông Nguyễn Văn P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì bà M và ông P đồng ý cho Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 058/17/HĐTC-BĐS/2100-2961 ngày 25/02/2017 để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng các bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi tổng cộng 132.990.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Đào Thị M đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông Nguyễn Văn P, bà Đào Thị M.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú ấp Trà C, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn cho các bị đơn vay tiền với mục đích bổ sung vốn mua bán bia, nước ngọt và chăn nuôi sản xuất nông nghiệp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bị đơn trả nợ không đúng như thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn thanh toán số tiền vay vốn và lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[4] Bị đơn bà M thừa nhận các bị đơn có vay tiền của nguyên đơn, nguyên đơn cũng thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L về việc yêu cầu các bị đơn ông P, bà M trả số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 30/10/2019 bao gồm tiền gốc và lãi là 132.990.000 đồng (trong đó tiền gốc 130.000.000 đồng, lãi quá hạn 2.990.000 đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 243/18/HĐTD/2100-7516 ngày 22/5/2018, cụ thể: kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 22/5/2019, kỳ hạn trả lãi vào ngày 22 của tháng. Trong quá trình vay các bị đơn đã thanh toán số tiền gốc vay là 270.000.000 đồng và tiền lãi là 43.058.348 đồng. Từ ngày 12/9/2019 đến nay các bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận. Như vậy các bị đơn đã vi phạm hợp đồng. Cho nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu các bị đơn thanh toán tiền gốc, tiền lãi và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/10/2019), các bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 243/18/HĐTD/2100-7516 ngày 22/5/2018.

[6] Theo án lệ số 08/2016AL về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng, tổ chức tín dụng với khách hàng vay, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất*

cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay".

[7] Hội đồng xét xử nhận thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005 và án lệ số 08/2016AL, có đủ cơ sở để buộc các bị đơn liên đới trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/10/2019) số tiền tổng cộng là 132.990.000 đồng. Trong đó, tiền gốc 130.000.000 đồng; Lãi quá hạn 2.990.000 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/10/2019), các bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 243/18/HĐTD/2100-7516 ngày 22/5/2018, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay. Như vậy, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 058/17/HĐTC-BĐS/2100-2961 ngày 25/02/2017 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 058.01/17/HĐTC-BĐS/2100-2961 ngày 14/01/2019. Hội đồng xét xử nhận thấy: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, các bị đơn thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L. Tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 284; Tờ bản đồ số 7; Diện tích 4.600,0 m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở, Đất trồng cây lâu năm; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BB 870314 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/5/2011 cho bà Đào Thị M và ông Nguyễn Văn P. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất về hình thức và nội dung tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại các Điều

317, 325 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ được chấp nhận.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông P, bà M liên đới phải chịu là 6.649.500 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[11] Về chi phí tố tụng: Các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Đào Thị M liên đới phải chịu 900.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 317 và 325 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005. Án lệ số 08/2016AL được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Đào Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L số tiền vay tổng cộng 132.990.000 đồng, (trong đó, tiền gốc 130.000.000 đồng; Lãi quá hạn 2.990.000 đồng).

2. Kể từ ngày 31/10/2019 các bị đơn chưa thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn thì hàng tháng các bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 243/18/HĐTD/2100-7516 ngày 22/5/2018, đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

3. Đến hạn thanh toán các bị đơn không có khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất số: 058/17/HĐTC-BĐS/2100-2961 ngày 25/02/2017 và Hợp

đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 058.01/17/HĐTC-BĐS/2100-2961 ngày 14/01/2019.

- Thửa đất số 284, tờ đồ số 7, tọa lạc tại ấp Trà C, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 870314 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/5/2011 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đào Thị M và ông Nguyễn Văn P, để thu hồi nợ.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Đào Thị M liên đới phải chịu là 6.649.500 đồng.

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên L không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.470.000 đồng, theo biên lai số 0009193 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về chi phí tố tụng: Các bị đơn ông P, bà M có nghĩa vụ liên đới phải chịu chi phí tố tụng là 900.000 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước số tiền 900.000 đồng, theo phiếu thu ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Các bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền 900.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 .

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh